

Kiến thức bổ sung về câu điều kiện trong tiếng anh

DẠNG ĐẢO NGỮ CỦA CÂU ĐIỀU KIỆN

1. Đảo ngữ câu điều kiện loại I:

Cấu trúc : Should + S + (not) Vinf, S + Will + Vinf

VD: If he has free time, he'll play tennis. => Should he have free time, he'll play tennis

2. Đảo ngữ câu điều kiện loại II:

Cấu trúc:

Were + S +	O/st (not) to V	S + Would/Could + Vinf
-------------------	----------------------------	-------------------------------

VD:

- If I learnt Russian, I would read a Russian book. => Were I to learn Russian, I would read a Russian book

- If I were you, I would buy this car. => Were I you, I would buy this car

3. Đảo ngữ câu điều kiện loại III:

Cấu trúc: Had + S + (not) P2/Ved, S + Would have + P2/Ved

VD: If he had trained hard, he would have won the match. => Had he trained hard, he would have won the match.

If not = Unless (Nếu không... thì...)

VD:

- Unless we start at once, we will be late = If we don't start at once, we will be late.

- Unless you study hard, you won't pass the exams = If you don't study hard, you won't pass the exams.

4. Đảo ngữ của câu điều kiện loại hỗn hợp (Mixed Conditional Sentence)

Đảo ngữ câu loại này giống đảo ngữ về If của câu điều kiện loại III

Cấu trúc: Had + S + (not)P2/Ved, S + would/could + V

VD: If I hadn't told her about this, she wouldn't be sad now. => Had I not told her about this, she wouldn't be sad now.

Một số **BIẾN THỂ** có thể có của các **cụm động từ** trong các **vế** của câu điều kiện:

1.LOẠI I

A. Biến thể của cụm động từ trong mệnh đề chính (main clause)

- Đối với trường hợp **muốn nhấn mạnh tính có thể xảy ra sự việc**
If + present simple, ... may/might + V-inf.

Ví dụ. If the weather gets worse, the flight may/might be delayed.

- Đối với trường hợp **thể hiện sự đồng ý, cho phép, gợi ý**
If + present simple, ... may/can + V-inf.

Ví dụ. If it stops raining, we can go out.

- Đối với **câu gợi ý, khuyên răn, đề nghị hoặc yêu cầu nhưng nhấn mạnh về hành động**

If + present simple, ... would like to/must/have to/should... + V-inf.

Ví dụ. If you go to the library today, I would like to go with you.

If you want to lose weight, you should do some exercise.

- Đối với trường hợp **muốn diễn tả hậu quả tất yếu của điều kiện đặt ra theo quy luật hoặc thói quen**

If + present simple, present simple.

Ví dụ. If you eat this poisonous fruit, you die at once.

If you boil water, it turns to vapor.

- Đối với trường hợp **có thể xảy ra trong tương lai và nhấn mạnh trạng thái diễn ra/hoàn thành của sự việc**

If + present simple, future continuous/future perfect.

Ví dụ. If we leave Hanoi for Hue today, we shall be staying in Hue tomorrow.

If you do your home work right now, you will have finished it in 2 hours' time.

- Đối với **câu mệnh lệnh (chủ ngữ ẩn ở mệnh đề chính)**

If + present simple, (do not) V-inf.

Ví dụ. If you are hungry, go to a restaurant.

If you feel cold, don't open the door.

- Đối với **câu khuyên răn, trong trường hợp này không thực sự là một câu điều kiện bởi "if" mang nghĩa như "as, since, because"**

If + present simple, why do (not) + V-inf.

Ví dụ: If you like the movie, why don't you go to the cinema?

B. Biến thể của cụm động từ trong mệnh đề điều kiện (if-clause)

- Đối với trường hợp **đang xảy ra ngay trong hiện tại**

If + present continuous, simple future.

Ví dụ. If he is working, I won't disturb him.

If you are doing exercises, I shall wait.

If I am playing a nice game, don't put me to bed. (tương đương simple future)

- Đối với trường hợp **không chắc về thời gian của điều kiện có thật mà nhấn mạnh tính hoàn tất của nó**

If + present perfect, simple future.

Ví dụ. If you have finished your homework, I shall ask for your help.

- Đối với **câu gợi ý nhưng nhấn mạnh về điều kiện**

If + would like to + V-inf, ... will/can/must/nothing + V-inf.

Ví dụ. If you would like to go to the library today, I can/will go with you.

- Đối với **câu đề nghị, gợi ý, bày tỏ ý kiến mang tính lịch sự**

If + can/may/must/have to/should/be going to + V-inf, simple future.

Ví dụ. If I can help you, I will.

If I may get into the room now, I shan't feel cold.

If I must/have to take the oral test, I shall feel afraid.

If you are going to go to University, you must study hard before an entrance examination.

If you should see her tomorrow, please tell her to phone me at once. (tương đương probably)

Lưu ý: Trong câu "if + subject + should + V-inf.", should có thể được đưa lên đầu câu thay "if"

Should + V-inf., simple future.

Ví dụ. Should you see him on the way home from work, please tell him to call on me

Tương tự như vậy, ta có một số biến thể ít phổ biến hơn của cụm động từ đối với **GIẢ ĐỊNH KHÔNG CÓ THỰC** (unreal conditions loại II và III), tùy vào việc muốn nhấn mạnh và trạng thái diễn tiến hay hoàn thành của sự việc trong mệnh đề điều kiện hoặc sự việc trong mệnh đề chính.

2.LOẠI II

A. Mệnh đề chính (main clause)

- **If + past simple, ... would/should/could/might/had to/ought to + be V-ing.**

Ví dụ. If we left Hanoi for Hue this morning, we would be staying in Hue tomorrow.

- **If + past simple, past simple. (việc đã xảy ra)**

Ví dụ. If the goalkeeper didn't catch the ball, they lost.

- If + past simple, ... would be + V-ing.

Ví dụ. If I were on holiday with him, I would/might be touring Italy now.

- If dùng như "as, since, because" có thể kết hợp với động từ ở nhiều thì khác nhau trong mệnh đề chính và không thực sự là một câu điều kiện.

Ví dụ. If you knew her troubles, why didn't you tell me?

B. Mệnh đề phụ (if-clause)

- If + past continuous, ... would/could + V-inf.

Ví dụ. If we were studying English in London now, we could speak English much better.

- If + past perfect, ... would/could + V-inf.

Ví dụ. If you had taken my advice, you would be a millionaire now.

3. LOẠI III

A. Mệnh đề chính (main clause)

- If + past perfect, ... could/might + present perfect.

Ví dụ. If we had found him earlier, we could have saved his life.

- If + past perfect, present perfect continuous.

Ví dụ. If you had left Hanoi for Haiphong last Saturday, you would have been swimming in Doson last Sunday.

- If + past perfect, ... would + V-inf.

Ví dụ. If she had followed my advice, she would be richer now.

If you had taken the medicine yesterday, you would be better now.

B. Mệnh đề phụ (if-clause)

- If + past perfect continuous, ... would + present perfect.

Ví dụ. If it hadn't been raining the whole week, I would have finished the laundry

Đối với trường hợp "if" được sử dụng như một liên từ dùng để bắt đầu một mệnh đề phụ trạng ngữ chỉ điều kiện về thời gian, lúc này "if = when". Vậy "if" và "when" khác nhau thế nào?

- WHEN: được dùng khi diễn tả một điều gì đó chắc chắn xảy ra.

Ví dụ. I am going to do some shopping today. When I go shopping, I'll buy you some coffee.

- IF: được dùng khi diễn tả một điều không chắc chắn (có thể hoặc không thể) xảy ra trong tương lai.

Ví dụ. I may go shopping today. If I go shopping, I'll buy you some coffee.

Lưu ý: Động từ chính trong mệnh đề phụ trạng ngữ bắt đầu bằng "when" hoặc "if" luôn ở thì present simple mặc dù hành động sẽ xảy ra trong tương lai.

Ví dụ: When/If he arrives tomorrow, I'll tell him about it